

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286/2024/DS-PT

Ngày: 29-11-2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Ông **Võ Văn Linh**

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Phan Tân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Xa Tú L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số B-C, đường T, phường A, TP., tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Mạnh D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, đường T, khu phố E, phường A, TP., tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024).

***Bị đơn:** 1. Bà **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Lô A M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Nguyễn Tú A**, sinh năm 1989.

Địa chỉ 1: Lô A M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ 2: Tổ H, đường V, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn D1**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số E, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023 và ngày 16/03/2024).

(Ông Phan Mạnh D, ông Nguyễn D1 có mặt, còn lại vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 24/10/2023 và trong quá trình tố tụng ông Phan Mạnh D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Xa Tú L trình bày:**

Bà L và bà N, bà Tú A quen biết nhau do có mối quan hệ làm ăn qua lại với nhau.

Vào ngày 25/12/2021 bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A (Con bà N) có vay của bà Xa Tú L số tiền gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), việc vay tiền hai bên có lập biên nhận đề ngày 25/12/2021 có bà N và con gái là Nguyễn Tú A cùng ký tên xác nhận. Biên nhận là do bà Tú A tự viết sau đó cùng bà N ký tên và ghi họ tên xác nhận; khi nhận tiền thì bà N và bà Tú A trực tiếp đến nhà bà L để nhận tiền, nhận 01 lần đủ số 1.500.000.000 đồng; việc vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 5%/tháng, không có thế chấp tài sản.

Quá trình vay cho đến nay, bà N và Tú A chưa trả gốc. Vào ngày 22/8/2022 bà N, bà Tú A có trả được số tiền lãi là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản, rồi ngưng cho đến nay. Nhiều lần bà L yêu cầu nhưng bà N và bà Tú A chỉ hứa hẹn mà không trả nợ. Do đó, bà L khởi kiện đến Tòa án thành phố R.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và tại các phiên hòa giải bà L yêu cầu bà N và bà Tú A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà bà N và bà Tú A đã trả 200.000.000 đồng vào tiền lãi, nếu còn thừa thì trừ vào tiền gốc. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện cuối cùng như sau: Yêu cầu bà N và bà Tú A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn gốc là 1.500.000.000 đồng. Phía bà L đồng ý xác định số tiền 200.000.000 đồng mà bà N, bà Tú A đã trả vào ngày 22/8/2022 là toàn bộ số tiền lãi trong quá trình vay, tính từ ngày vay cho đến nay (Ngày xét xử sơ thẩm), không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu tính lại tiền lãi. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

****Ông Nguyễn D1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A trình bày: Bà Nguyễn Thanh N là mẹ ruột của bà Nguyễn Tú A.***

Ông D1 xác nhận việc bà N và bà Tú A có vay tiền của bà Xa Tú L là đúng sự thật. Qua trao đổi, làm việc thì bà N và bà Tú A cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng trong biên nhận ngày 25/12/2021 là biên nhận tổng hợp nợ, được cộng dồn từ nhiều khoản vay khác nhau, trong đó có tiền gốc và có tiền lãi, sau đó bà L cộng dồn thành tiền gốc 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N và bà Tú A không xác định được cụ thể số tiền gốc là bao nhiêu và tiền lãi là bao nhiêu và không có chứng cứ để chứng minh biên nhận trên là biên nhận tổng hợp nợ.

Quá trình vay thì bà N, bà Tú A đã trả cho bà L được số tiền 200.000.000 đồng như bà L trình bày là đúng. Phía bà N và bà Tú A cũng có thiện chí trả nợ nhưng do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa thanh toán cho bà L số tiền vay nêu trên.

Qua làm việc thì quan điểm của bà N và bà Tú A đối với số tiền vay trên như sau: Bà N và bà Tú A thừa nhận và đồng ý trả cho bà L số tiền vay 1.500.000.000 đồng và yêu cầu xác định số tiền 200.000.000 đồng nêu trên là toàn bộ số tiền lãi mà bà N, bà Tú A đã trả cho bà L từ ngày vay cho đến nay, không tiếp tục tính lãi và không xem xét lại số tiền 200.000.000 đồng mà bà N, bà T đã

trả cho bà L. Đối với số tiền vay 1.500.000.000 đồng thì phía bà N, bà Tú A có hai phương thức thanh toán như sau:

+ Bà N, bà Tú A đề nghị trả tiền mặt cho bà L, trả 01 lần với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là hai bên dứt nợ.

+ Nếu bà L không đồng ý với phương thức thanh toán nêu trên thì xin trả dần mỗi tháng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi hết số nợ 1.500.000.000 đồng.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Xa Tú L đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Xa Tú L số tiền gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/8/2024, bị đơn bà Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang: Yêu cầu được trả nợ cho bà L một lần với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) hoặc trả hàng tháng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thanh N giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Nguyên đơn bà Xa Tú L không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy

đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Xa Tú L, bị đơn bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thanh N kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang: Yêu cầu được trả nợ cho bà L một lần với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) hoặc trả hàng tháng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Xa Tú L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Tú A phải trả số tiền gốc 1.500.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 25/12/2021, việc bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A vay tiền của bà Xa Tú L, các bên có lập biên nhận ghi ngày 25/12/2021, có bà N và bà Tú A ký tên và ghi họ tên xác nhận. Quá trình tố tụng bà N và bà Tú A đều thừa nhận còn nợ bà L số tiền 1.500.000.000 đồng và đồng ý trả nợ; thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thanh N cho rằng việc bà vay mượn của bà Xa Tú L là mượn nhiều lần chứ không phải một lần nhưng bà L cộng dồn tiền lãi quá cao nên bà không còn khả năng chi trả. Thực tế số tiền gốc bà mượn bà L không đến 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả cho bà L một lần với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) hoặc hàng tháng trả số tiền 30.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, bà N không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, bà L không thừa nhận và khẳng định số tiền vay trên là tiền gốc. Tại biên nhận ngày 25/12/2021 thể hiện rõ nội dung: “*Bà N có mượn của bà Xa Tú L số tiền 1.500.000.000 đồng*”. Do đó, có đủ căn cứ, cơ sở để xác định việc bà L cho bà N, bà Tú A vay số tiền gốc 1.500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/12/2021 là sự thật. Bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A phải có nghĩa vụ trả cho bà Xa Tú L số tiền 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh N xin trả 01 lần tiền mặt là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là dứt nợ hoặc xin trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn bà Xa Tú L không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân

dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc bà N xin trả nợ cho nguyên đơn với hình thức nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

Về tiền lãi: Các bên thống nhất xác định phía bà N, bà Tú A đã trả cho bà L được tiền lãi là 200.000.000 đồng và thống nhất không tiếp tục tính lãi, không tính lại tiền lãi đã trả. Do đó, HĐXX không xem xét phần tiền lãi.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Tú A phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà L 1.500.000.000 đồng, được tính như sau: 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng; Phần vượt 800 triệu là 700.000.000 đồng x 3% = 21.000.000 đồng. Tổng cộng án phí là 57.000.000 đồng. Như vậy, bà N và bà Tú A phải nộp án phí số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

+ Bà Xa Tú L được nhận lại số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002903, ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh N

- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Xa Tú L đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Xa Tú L số tiền gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Tú A phải nộp án phí số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

+ Hoàn trả lại cho bà Xa Tú L số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002903, ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007365 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Rạch Giá;
- THA TP Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha